

DANH SÁCH GIÁO VIÊN NƯỚC NGOÀI
ĐÃ CÓ GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(GPLĐ còn thời hạn từ 02 tháng trở lên, tính từ ngày 6/9/2023)
(Kèm theo Thông báo số /ngày /9/2023 của Sở GD&ĐT)

Phu lục 3

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm Anh ngữ English Land	1	MMBONE OLIVIA	1983	Nữ	Kenya	ĐH Sư phạm; chứng chỉ TESOL	048919	30/5/2022-30/5/2024
	2	MENSAH FELIX	1979	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ TESOL	007100	30/5/2022-30/5/2024
Trung tâm ngoại ngữ Fun kids	3	ADELE EMELDA CHINYERE	1993	Nữ	Nigeria	Cử nhân y khoa, chứng chỉ TESOL, Chứng chỉ bậc 5/6	007057	22/07/2022-17/12/2023
	4	USTINOV SEMION	1964	Nam	Nga	Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Anh	000032	11/11/2022-25/10/2023
	5	FUACHIE FRANCIS	1986	Nam	Ghana	Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Anh chứng chỉ TESOL	113833	12/4/2023 - 31/12/2024
	6	FRANK ABOAGYE GYEBI	1991	Nam	Ghana	Thạc sỹ giáo dục chứng chỉ TESOL, Chứng chỉ EF SET	000310	11/05/2023 - 31/12/2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Esea	7	ASUBISAH FRANCIS	1988	Nam	Ghana	Cử nhân tiếng Anh	000546	25/8/2023-8/6/2025
Trung tâm ngoại ngữ Einstein Academy	8	ACUNO REDENA MELIZA	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm tiểu học, chứng chỉ TESOL,C1	07032	26/9/2022 - 31/12/2023
Trung tâm ngoại ngữ Oxford Ninh Bình	9	MENSAH FELIX	1979	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục cơ bản; chứng chỉ dạy tiếng Anh	048840	15/11/2021-15/11/2023
Trung tâm Anh ngữ A Plus Ninh Bình	10	ALAIN FRANCOIS NDEMASSE KANA	1984	Nam	Cameroon	Cử nhân chuyên ngành quản lý giám sát kinh doanh; chứng chỉ Tesol	000534	5/8/2023- 18/7/2025
	11	KHARAZY DEHKHARGHANI MEHRDAD	1992	Nam	Iran	Cử nhân ngôn ngữ & văn học Anh, chứng chỉ Cetal	000348	27/04/2023- 26/04/2025
	12	ADDAI SUNDIATA HODIAK KAMARA	1993	Nam	Ghana	Cử nhân nghệ thuật, chứng chỉ Tesol	000474	16/07/2023 -19/06/2025
	13	TETTEH GODWIN	1993	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục, chuyên ngành tiếng Anh và Văn học; chứng chỉ Tesol	000481	10/07/2023 -19/06/2025

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm Anh ngữ Sao Kim	14	SULEIMAN SALIM CHIBOHE	1983	Nam	Kenya	Cử nhân Chuyên ngành giáo dục nghệ thuật; Chứng chỉ TEFL	007044	8/9/2023-24/7/2025
	15	LUCELYN ACAC EMBAJADOR	1979	Nữ	Philippin	Cử nhân Khoa học công nghệ (hóa học); Chứng chỉ TESOL	048979	7/9/2023-24/7/2025
	16	MICHEAL OSEI SARFO	1986	Nam	Ghana	Cử nhân Giáo dục-Chuyên ngành Giáo dục Văn học Nghệ thuật; Chứng chỉ TEFL	000206	27/12/2022 - 31/12/2023
	17	FAREEDA NTIM KUSI	1990	Nữ	Ghana	Cử nhân Giáo dục-Chuyên ngành Tâm lý học và nền tảng giáo dục. Chứng chỉ TEFL	000207	27/12/2022 - 31/12/2023
	18	NICOLAS JOSEPH KYAGABA	1983	Nam	Uganda	Cử nhân Giáo dục-Chuyên ngành Văn học Nghệ thuật; Chứng chỉ TEFL	000208	27/12/2022 - 31/12/2023
	19	REGINA MUTHONI MUGO	1989	Nữ	Kenya	Cử nhân Giáo dục; Chứng chỉ TESOL	000204	27/12/2022 - 31/12/2023
	20	ISAAC OSEI – OWUSU FENNING	1997	Nam	Ghana	Cử nhân Giáo dục-Chuyên ngành Tiếng Anh; Chứng chỉ TEFL	000205	27/12/2022 - 31/12/2023
Trung tâm ngoại ngữ Apax	21	DANELLE DE OLIVERIA	1997	Nữ	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL, Cambridge Level 3 ESOL C2	000390	22/5/2023-18/5/2025
	22	HENRICO DE OLIVERIA	1993	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL, Cambridge Level 3	000389	22/5/2023-18/5/2025
Trung tâm Anh ngữ Campus Ninh Bình	23	JOE EMMANUEL	1989	Nam	Liberia	Cử nhân nghệ thuật giáo dục, chứng chỉ TESOL	007049	12/07/2022-23/12/2023
	24	JOSEPH KWAME WWAJAH	1989	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (trong nghiên cứu kinh doanh), chứng chỉ TESOL	000064	16/11/2022-31/12/2023
	25	AFLOH PRUDENCE WILBERFORCE	1982	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục tiếng anh, Chứng chỉ TESOL	000393	25/05/2023-10/02/2025
	26	MURUITHIA SAMUEL GITONGA	1991	Nam	Kenya	Cử nhân giáo dục tiếng anh, Chứng chỉ TESOL	000482	05/07/2023-06/02/2025

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm Anh ngữ Smart Learn	27	NICOLA LOUISE MORGAN	1968	Nữ	Anh	Thạc sỹ tâm lý học phát triển và thay đổi tổ chức; Chứng chỉ TEFL	000179	16/12/2022-15/12/2024
	28	BOWEN MATILDA DIXIE	2001	Nữ	Anh	Cử nhân quan hệ quốc tế; Chứng chỉ sư phạm TEFL	000148	5/12/2022-4/12/2024
	29	CHARHENIQUE JUDITH VAN SCHALKWYK	2001	Nữ	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; Chứng chỉ TEFL, Chứng chỉ C1	06915	25/09/2022-24/09/2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế ASE	30	ESAH ENOCK KWAME	1991	Nam	Ghana	Cử nhân nghệ thuật; chứng chỉ TESOL	000568	25/8/2023-8/8/2025
	31	ADESINA ADEKUNLE JOHN	1988	Nam	Nigeria	Cử nhân Kiến trúc, chứng chỉ TEFL	000353	03/5/2023-02/5/2025
Trung tâm ngoại ngữ quốc tế Amaster	32	MADHIKARMI SANJAY	1990	Nam	Nepal	Cử nhân công nghệ; chứng chỉ TESOL; chứng chỉ C1.	000472	05/7/2023-04/5/2025
	33	BEN MBIYA	1993	Nam	Nam Phi	Cử nhân quản trị kinh doanh; chứng chỉ TESOL;chứng chỉ C2.	000364	16/5/2023-15/5/2025
Trung tâm ngoại ngữ GREEN IVY	34	ANTWI BOATENG MIKE	1999	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành Ngôn ngữ Anh); Chứng chỉ TESOL/TEFL	000542	15/8/2023-14/4/2025
Trung tâm ngoại ngữ Việt Mỹ	35	MAURICE OPARE BOADAN	1989	Nam	Ghana	Cử nhân Giáo dục chính trị, Chứng chỉ Tesol	000492	12/07/2023 - 19/06/2025
	36	LAAR ROGER LIH	1992	Nam	Ghana	Ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ Tesol	000475	12/07/2023 - 19/06/2025
	37	KYEREMEH AMPAABENG	1992	Nam	Ghana	Cử nhân nghệ thuật Giáo dục, Chứng chỉ Tesol	000525	20/07/2023 - 19/07/2025
	38	TROUNU ERIC KOFI	1991	Nam	Ghana	Sư phạm ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ Tesol	000516	20/07/2023 - 19/07/2025
	39	ERLYN SADIWA ALMIMAR	1996	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng anh, chứng chỉ Tesol	000239	22/02/2023-31/12/2024
	40	QUEENY ANDRADE MUANA	1993	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học kế toán; Chứng chỉ TESOL	113584	12/11/2022-11/11/2023
	41	CRISANTA JUATON PUROG	1992	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học CNTT;chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	049071	10/4/2022-24/2/2024
	42	HANNAL MORENO HIPOLITO	1996	Nữ	Philippin	Cử nhân chuyên ngành GD mầm non, chứng chỉ Tesol,C1	023807	01/05/2023-31/10/2024

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Ocean Edu Ninh Bình	43	REY JUMADRON CADAGAS	1980	Nam	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng anh, chứng chỉ Tesol	023806	01/05/2023-31/10/2024
	44	ADONIS PAMPLONA UMPIG	1993	Nam	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng Anh, chứng chỉ Tesol	000272	03/03/2023-31/12/2023
	45	JOCELYN GUZMAN AGUAYO	1971	Nữ	Philippin	Cử nhân quản lý giáo dục;chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	049069	10/4/2022-24/2/2024
	46	LLORENZ BELLO FAELNAR	1991	Nữ	Philippin	Cử nhân quản trị khách sạn và nhà hàng; chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	006996	02/08/2022-01/08/2024
	47	NOVY GRACE MANUEL NORIEGA	1995	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng Anh	049073	10/4/2022-24/2/2024
	48	DEME DIAPHER PAGHID CORPIN	1985	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng Anh, chứng chỉ Tesol	023819	01/05/2023 - 31/10/2024
	49	MELANIE AMBAYEC BEREN GUEL	1994	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục tiểu học;chứng chỉ Tesol	006997	02/08/2022-01/08/2024
Trung tâm ngoại ngữ ICE	50	PETRUS STEPHANUS VAN JAARVELD	1979	Nam	Nam Phi	Cử nhân; chứng chỉ giảng dạy TEFL	049046	26/2/2022-14/2/2024
	51	MADONDO RUTENDO	1996	Nam	Nam Phi	Cử nhân chuyên ngành truyền thông doanh nghiệp; chứng chỉ dạy NN tiếng Anh cấp độ 5;	049028	5/5/2022-11/2/2024
	52	BOUJANE KAOUTAR	1997	Nữ	Morocco	Cử nhân giáo dục, chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	000020	4/11/2022-3/11-2024
Trung tâm Anh Ngữ Quốc tế Global Edu Ninh Bình	53	BASTARDE ZANDRA MAE AMBROS	1998	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chuyên ngành Tiếng Anh		Kết hôn với người VN
	54	MARY PEARL GUIRGIO	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm, chứng chỉ TEFL, chứng chỉ C1	000181	27/12/2022-27/12/2024
	55	CLAUDETTE VINA FAELDIN OBORDO	1998	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm trung học, chuyên ngành Tiếng Anh	000182	27/12/2022-27/12/2024
	56	EMMANUEL SANCHEZ PANOGA	1986	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chứng chỉ Tiếng Anh TESOL	000220	05/01/2023-31/12/2024
	57	PORFERIO ELIEN JANE MARAVILLAS	1988	Nữ	Philippin	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, chứng chỉ Tiếng Anh TESOL	000343	21/04/2023-09/04/2025
	58	SHELLA MAE A. MUARES	1983	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chứng chỉ Tiếng Anh TESOL	000192	02/01/2023-01/01/2025
	59	BUGARIN JENNIFER QUIONG	1989	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học thương mại, chứng chỉ Tiếng Anh TEFL	000350	21/04/2023-09/04/2025

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	60	LADY ADAWIA CANIZARES LAGUMBAY	1984	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chứng chỉ Tiếng Anh TESOL	000333	24/04/2023-13/11/2024
	61	LENIE ABUCAYON VIDAD	1989	Nữ	Philippin	Cử nhân GD khoa học nông nghiệp, chứng chỉ Tiếng Anh TEFL	000338	24/04/2023-31/12/2024
	62	TEDEJA JULIE ANNE CADAG	1998	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chuyên ngành Tiếng Anh	000340	21/04/2023-12/04/2025
	63	ALYSSA JANE FERMIN GACUSAN	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân GD tiểu học, chứng chỉ Tiếng Anh TEFL	000351	21/04/2023-09/04/2025
	64	ELJEAN GALEZA	1996	Nữ	Philippin	Cử nhân GD tiểu học, chứng chỉ Tiếng Anh C1	000344	21/04/2023-12/04/2025
Trung tâm ngoại ngữ Limo	65	WASIU ABIODUN ABIOYE	1992	Nam	Nigeria	Cử nhân giáo dục khoa học (chuyên ngành khoa học chính trị);	113552	30/06/2022 - 31/03/2024
	66	BUDU GLADYS	1986	Nữ	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	000107	25/12/2022 - 30/12/2024
	67	ASIEDU FAUSTINA	2000	Nữ	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	000115	25/11/2022 - 30/12/2024
	68	BAWOMEA EMMANUEL	1991	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	007025	01/08/2022 - 01/08/2024
	69	NAMBOZO YVONNE CONSTANCE	1990	Nữ	Ugandan	Cử nhân (chuyên ngành quản lý và hành chính công); Chứng chỉ Tesol	000138	15/12/2022-17/11/2024
	70	JASPER KWAKU KEKESI	1993	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm (chuyên ngành giáo dục cơ bản); Chứng chỉ TESOL	000135	15/12/2022-27/11/2024
	71	BRIGHT GAYAO AGBEMALE	1990	Nam	Ghana	Cử nhân kinh doanh tích hợp; chứng chỉ TESOL, C2	000147	15/12/2022-14/12/2024
	72	EBENEZER KWAKU	1993	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm mỹ thuật, Chứng chỉ TEFL, C1	000003	15/12/2022-17/11/2024
	73	HENRY GAMELI ACOLATSE	1976	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000267	24/02/2023- 23/2/2025
	74	KUSI EVANS	1986	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000514	20/07/2023- 27/4/2025
	75	AGYENIM -BOATENG COSMOS	1988	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000501	20/07/2023- 27/4/2025
	76	ADU- APPIAH ERNEST	1985	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000526	20/07/2023- 27/4/2025
	77	NDUGWA NAMAKULA HALIMA	1987	Nữ	Ugandan	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000283	10/3/2023-09/3/2025
	78	MARK AMOFA FRIMPONG	1981	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm (chuyên ngành công nghệ xây dựng); chứng chỉ TEFL	000137	15/12/2022-17/11/2024

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/ văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung Tâm Anh Ngữ QT Hello English	79	PACARDO JINECES PAJE	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm, Chứng chỉ Telsol	000085	20/11/2022-20/11/2024
Budding Bean Ninh Bình	80	RASARELY MAHENITSOA	1985	Nữ	Malagasi	Thạc sĩ ngôn ngữ tiếng Trung, Chứng chỉ TESOL, CEFR C2	000479	7/7/2023-17/2/2025
Trung tâm ngoại ngữ quốc tế Deli	81	HANSON OBENG SOLOMON	1981	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục, chứng chỉ TEFL	000561	17/8/2023-02/8/2025

(Danh sách trên có 81 người)

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN NƯỚC NGOÀI
ĐANG LÀM THỦ TỤC XIN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG/CẤP LẠI GPLĐ LÀM VIỆC TẠI CÁC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Tính đến tháng 9 năm 2023)**

Phụ lục 4

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm ngoại ngữ ICE	1	FARZAD JAMSHIDIAR	1991	Nam	Iran	Cử nhân, chứng chỉ dạy CELTA, C1	Đang trong thời gian làm giấy phép
	2	SAPTARSHI MITRA	1989	Nam	India	Cử nhân, Chứng chỉ EF SET - C2	Đang trong thời gian làm giấy phép
	3	OUALID AIT BENALLA	2001	Nam	Morocco	Cử nhân, chứng chỉ dạy CELTA	Đang trong thời gian làm giấy phép
Trung tâm ngoại ngữ GREEN IVY	4	RACHEAL HAFUATU MUSA	1989	Nữ	Nigeria	Cử nhân ngành Sư phạm (Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh); Chứng chỉ TESOL/TEFL Chứng chỉ phương pháp giảng dạy tiếng Anh mầm non	Đang trong thời gian làm giấy phép
Trung tâm Anh ngữ Smart Learn	5	KATE TABITHA WILSON	2000	Nữ	Anh	Cử nhân Nghệ thuật Đại học Huddersfield, Chứng chỉ TEFL	Đang trong thời gian làm giấy phép
Trung tâm ngoại ngữ Atlantic Afive-Star English cơ sở Ninh Bình	6	Petrus Stephanus Van Jaarsveld	1979	Nam	Nam Phi	Cử nhân Đại học Chứng chỉ TEFL, bằng C1	Đang trong thời gian làm giấy phép
	7	Madono Rutendo	1996	Nam	Nam Phi	Cử nhân Đại học Chứng chỉ TEFL, bằng C2	Đang trong thời gian làm giấy phép
	8	Gabriella Morgan Lane	1995	Nữ	Úc	Cử nhân ngành Quản lý sự kiện Chứng chỉ CELTA	Đang trong thời gian làm giấy phép
	9	Agnes Patrone	1993	Nữ	Pháp	Thạc sĩ ngành Kỹ sư máy tính Chứng chỉ Celta	Đang trong thời gian làm giấy phép
	10	Benjamin Kinross Buston	1971	Nam	Anh	Cử nhân ngành Luật Chứng chỉ CELTA	Đang trong thời gian làm giấy phép

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm ngoại ngữ Green Ivy	11	RACHEAL HAFUATU MUSA	1989	Nữ	Nigeria	Cử nhân nghệ thuật (chuyên ngành Ngôn ngữ Anh); Chứng chỉ TESOL/TEFL	Đang trong thời gian làm giấy phép
Trung tâm ngoại ngữ Limo	12	GEORGE OSEI	1976	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	Đang trong thời gian làm giấy phép
Trung tâm ngoại ngữ APAX	13	THEODORUS DANIEL ZIETSMAN BESTER	1975	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL	2/10/2022-30/9/2023
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Ocean Edu Ninh Bình	14	JOSE MARK FERNANDEZ ESTILLORE	1996	Nam	Philippin	Cử nhân khoa học trong kỹ thuật kế toán; Chứng chỉ TESOL,C1	15/1/2022-11-10/2023

GPLĐ sắp hết hạn

GPLĐ sắp hết hạn

